

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH BẮC GIANG  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2400761813**

*Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 03 năm 2015*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 21 tháng 02 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CT BG VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CT BG VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CT BG VINA CO.,LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, Thị Trấn Nénh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Điện thoại: 02043 862886

Fax:

Email: [congyctvina2015@gmail.com](mailto:congyctvina2015@gmail.com)

Website:

**3. Vốn điều lệ**

7.500.000.000 đồng

*Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm triệu đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ LỆ THU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/12/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040185077836

Ngày cấp: 02/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 1001, CC Hợp Phú, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 1001, CC Hợp Phú, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LỆ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040185077836

Ngày cấp: 02/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 1001, CC Hợp Phú, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh,  
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 1001, CC Hợp Phú, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh  
Bắc Ninh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



NGUYỄN VŨ ĐIỂN



**CÔNG TY TNHH  
C & T VIỆT TUẦN**

Số: 1702../QĐ-VT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 11 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thay đổi tên công ty**

**CHỦ SỞ HỮU**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH C & T Việt Tuấn;

**QUYẾT ĐỊNH:**  
**THAY ĐỔI TÊN CÔNG TY**

**Điều 1:** Thay đổi tên công ty từ CÔNG TY TNHH C & T VIỆT TUẦN thành tên công ty như sau:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CT BG VINA
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CT BG VINA COMPANY LIMITED
- Tên công ty viết tắt: CT BG VINA CO.,LTD

**Điều 2:** Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

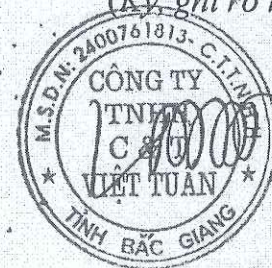
**Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT (để đăng ký);
- Lưu:

**CHỦ SỞ HỮU**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Lê Thu



Số ~~312~~ /KCN-ĐTBắc Giang, ngày ~~10~~ tháng 4 năm 2018V/v chấp thuận Dự án đầu tư của  
Công ty TNHH C&T Việt Tuấn

Kính gửi Công ty TNHH C&amp;T Việt Tuấn

Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang nhận được Văn bản thực hiện dự án đầu tư của Công ty TNHH C&T Việt Tuấn, thực hiện Dự án “*Nhà máy C&T Việt Tuấn*” tại lô C2 (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH điện Phòng Hoàng), KCN Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư; Sau khi xem xét, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang xác nhận Công ty TNHH C&T Việt Tuấn đã đăng ký dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. Nhà đầu tư:****1. Công ty TNHH C&T Việt Tuấn.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400761813 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 09/3/2015, thay đổi lần 2 ngày 31/8/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường 398, khu dịch vụ thương mại Song Khê - Nội Hoàng, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà **Nguyễn Thị Lệ Thu**, sinh ngày 10/12/1985; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Chức vụ: Giám đốc.

Chứng minh thư nhân dân số: 122271876 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/12/2014;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Hoa, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hoa, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**II. Nội dung dự án đầu tư:**

1. Tên Dự án: *Nhà máy C&T Việt Tuấn*.

2. Mục tiêu và quy mô Dự án:

Son máy móc, tấm kim loại và thiết bị viễn thông: 500.000 sản phẩm/năm

3. Địa điểm thực hiện Dự án: Nhà xưởng số 4, Lô C2 (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH điện Phòng Hoàng), KCN Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

4. Diện tích xưởng thuê: 1.157 m<sup>2</sup>.



5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng Việt Nam), trong đó:

- Vốn góp để thực hiện Dự án: 2.500.000.000 VNĐ chiếm 25% tổng vốn đầu tư.
  - Vốn vay và huy động: 7.500.000.000 VNĐ, bằng 75% tổng vốn đầu tư.
  - Tiến độ góp vốn: 03 tháng, kể từ ngày được chấp thuận đầu tư.
  - Tiến độ góp vốn vay và huy động: 12 tháng, kể từ ngày được chấp thuận đầu tư.
6. Tiến độ thực hiện Dự án: 04 tháng, kể từ ngày được chấp thuận đầu tư.
7. Thời hạn hoạt động của Dự án: 35 năm, kể từ ngày được chấp thuận đầu tư.

Công ty TNHH C&T Việt Tuấn có trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất và kinh doanh; thực hiện nghiêm các biện pháp và quy định liên quan đến bảo vệ môi trường và môi sinh, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật; chấp hành chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang thông báo để Quý Công ty biết và thực hiện./.

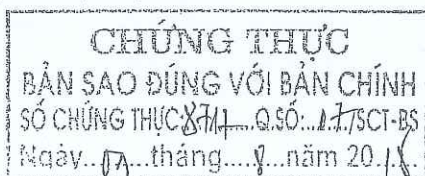
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
  - Công an tỉnh, Cục Thống kê;
  - Sở TN&MT;
  - Lưu: VT, QLĐT.
- Bản điện tử:
- LD Ban;
  - Các phòng, đơn vị thuộc Ban.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Anh Quyền



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Văn Bui



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 564 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án “Nhà máy C&T Việt Tuấn”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 799/TTr-TNMT ngày 21/9/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy C&T Việt Tuấn” tại lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên do Công ty TNHH C&T Việt Tuấn làm chủ đầu tư đã được Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

1. Đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình xử lý chất thải của dự án đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường;

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác của pháp luật hiện hành;

3. Trong quá trình hoạt động nếu chủ dự án xử lý chất thải không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường, gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường thì chủ dự án phải tạm ngừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục và bị xử phạt theo quy định của pháp luật;



4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 3.** Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy C&T Việt Tuấn” tại lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên do Công ty TNHH C&T Việt Tuấn làm chủ đầu tư và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu nêu tại Quyết định này.

**Điều 4.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH C&T Việt Tuấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: ↓

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Lai Thanh Sơn;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, TN, ĐT, TKCT;
- + Lưu: VT, MT.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH





**CÔNG TY TNHH  
ĐIỆN PHÒNG HOÀNG**  
Số: 03/2023-HĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**  
**(Về việc cho thuê nhà xưởng)**

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2015 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.
- Căn cứ vào văn bản đồng ý cho bổ sung mục tiêu cho thuê nhà xưởng số 188/KCN-ĐT ngày 6 tháng 5 năm 2009 của trưởng ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang
- Căn cứ Công văn số 1738 của Bộ kế hoạch và Đầu tư ngày 15/07/2005 hướng dẫn về việc bổ sung một số điều trong việc cho thuê nhà xưởng của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trong KCN, KCX.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

*Hôm nay, ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại văn phòng Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng - Lô C2 khu CN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm:*

**BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐIỆN PHÒNG HOÀNG (Bên cho thuê).**

Đại diện: Bà **Dương Thị Hoàng** Chức vụ: Giám đốc công ty.  
Địa chỉ: Lô C2, khu CN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.  
Điện thoại: 0204.2217 486 – 0912 450 602 - Fax: 0204 3866 811  
Tài khoản: 4311 000 000 2168 tại Ngân hàng BIDV Bắc Giang.  
Mã số thuế: 2400292209

**BÊN B: CÔNG TY TNHH CT BG VINA (Bên thuê).**

Đại diện: Bà **Nguyễn Thị Lệ Thu** Chức vụ: Giám đốc công ty.  
Địa chỉ trụ sở chính: Nhà xưởng số 4, lô C2 KCN Đình Trám, thị Trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 02043 862 886 - 0823 556 777  
Tài khoản: 0731000648377 tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang  
Mã số thuế: 2400761813

*Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế về việc thuê nhà xưởng với những điều khoản sau:*

**ĐIỀU I: MỤC ĐÍCH CỦA HỢP ĐỒNG.**



1.1- Bên A đồng ý cho bên B thuê nhà xưởng số 4 (Hai tầng) có kích thước 44,5 mét x 13,0 mét = 578,5 m<sup>2</sup> x 2 tầng = 1.157 m<sup>2</sup>, công trình nhà ăn, nhà nghỉ công nhân có kích thước 21,5 mét x 7,0 mét = 150,5 m<sup>2</sup> x 2 tầng = 301 m<sup>2</sup>, công trình nhà vệ sinh (Hai tầng) có kích thước 12,3 mét x 2,85 mét = 35,1 m<sup>2</sup> x 2 tầng = 70,2 m<sup>2</sup> trong mặt bằng tổng thể của bên A. Nhà xưởng, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân và nhà vệ sinh có tường xây gạch xung quanh, sàn tầng 2 đổ trần bê tông mái lợp tôn chống nóng, có cửa sổ và cửa ra vào riêng biệt chắc chắn, nhà vệ sinh gồm 2 khu nam và nữ đảm bảo đủ quy chuẩn vệ sinh sạch sẽ đảm bảo thoáng mát.

1.2- Mục đích thuê nhà xưởng số 4 và công trình phụ trợ của bên B được dùng vào việc làm xưởng để Sản xuất, gia công các hạng mục liên quan đến sơn tĩnh điện.

## **ĐIỀU II: THỜI HẠN THUÊ.**

2.1- Thời hạn thuê nhà xưởng số 4 và công trình phụ trợ trong mặt bằng tổng thể của bên A là 05 năm, kể từ ngày 11 tháng 03 năm 2023 đến ngày 10 tháng 3 năm 2028.

2.2- Sau khi hết thời hạn thuê 05 năm, nếu bên B có nhu cầu thuê tiếp thì hai bên phải thông báo cho nhau biết trước ít nhất là 30 ngày, bên B có quyền được ưu tiên ký hợp đồng thuê tiếp nhà xưởng trên với bên A.

2.3- Sau 10 ngày kể từ ngày bên B đặt cọc cho bên A, bên A trao mặt bằng toàn bộ nhà xưởng và công trình phụ trợ trong mặt bằng tổng thể của bên A cho bên B theo như điều I.

## **ĐIỀU III: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.**

3.1- Giá thuê nhà xưởng số 4 và các công trình phụ trợ nhà vệ sinh có tổng diện tích 1.528,2 m<sup>2</sup> là: 2,3 USD/m<sup>2</sup>/tháng (Giá thuê trên chưa bao gồm thuế VAT 10%). Giá thuê trên sẽ được điều chỉnh lên hoặc xuống nhưng không quá 15% theo chu kỳ 03 năm/lần tùy theo giá cả thị trường hiện tại. Cụ thể như sau: từ 11/03/2023 đến 10/03/2024: giá thuê giữ nguyên; từ 11/03/2024 đến 10/03/2027: giá thuê có thể sẽ được điều chỉnh nhưng không quá 01 lần; từ 11/03/2027 đến 10/03/2028: giá thuê được áp dụng theo chu kỳ 03 năm/lần tiếp theo.

Giá thuê trên sẽ không bao gồm tiền điện sản xuất và tiền nước sinh hoạt.

- Tiền nước sinh hoạt bên B phải thanh toán cho bên A theo số lượng mà bên B sử dụng hàng tháng. Đồng hồ đo đếm nước lắp phụ sau đồng hồ của bên A. Hàng tháng căn cứ vào chỉ số đồng hồ tiêu thụ nước của bên B, bên A sẽ tính tiền xuất hoá đơn VAT của bên A cho



bên B theo đúng giá quy định của ngành nước (Riêng tiền nước có cả tiền xử lý nước thải của Khu công nghiệp).

- Bên A có trách nhiệm xử lý nước thải sinh hoạt hàng ngày của bên B đáp ứng tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt đạt loại B trước khi thải ra đường nước thải trong khu công nghiệp.

- Ngoài ra bên B thanh toán thêm cho bên A tiền điện và tiền nước các khoản sau:

- a/ Về tiền điện: Tiền duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, đường dây hạ thế và trạm biến thế thêm 10% số tiền điện mà bên B tiêu thụ hàng tháng bằng tiền mặt VND.

- b/ Về tiền nước: Tiền duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, đường ống, đồng hồ đo nước, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại B trước khi thải ra đường nước thải trong khu công nghiệp thêm 20% số tiền nước mà bên B tiêu thụ hàng tháng bằng tiền mặt VND.

3.2 Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

3.3 Đồng tiền thanh toán: là đồng VND (Việt Nam đồng) hoặc đồng USD (Đô la Mỹ) được quy đổi ra VND (Đồng tiền Việt Nam) tại thời điểm giao dịch theo thông báo của liên Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm trả tiền.

3.5- Tiền thuê được thanh toán 06 tháng một lần, được trả vào ngày 01 đến ngày 10 tháng đầu của mỗi kỳ thanh toán và bắt đầu tính từ ngày 11 tháng 03 năm 2023.

3.6- Bên B đã đặt cọc trước cho bên A số tiền bằng số tiền 02 tháng sử dụng tức:  $1.528,2 \text{ m}^2 \times 2 \text{ USD} \times 2 \text{ tháng} = 6.112.8 \text{ USD}$  (được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá liên ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm đặt cọc) để bên A hoàn thiện nhà xưởng theo yêu cầu của bên B. Số tiền đặt cọc trên được duy trì tại tài khoản của bên A trong suốt thời gian thuê. Sau khi hết thời hạn thuê mà bên B không thuê nữa thì bên A có trách nhiệm hoàn trả lại cho bên B số tiền 02 tháng nói trên (Không tính lãi). Số tiền đặt cọc trên sẽ được bên A sử dụng (Trừ) vào việc sửa chữa nhà xưởng những chỗ hư hỏng do bên B gây nên.

#### **ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN.**

##### **4.1- Trách nhiệm của bên A:**

- Bàn giao nhà xưởng, công trình phụ trợ, nhà vệ sinh đã được hoàn thiện cho bên B đảm bảo quyền sử dụng trọn vẹn diện tích công trình phụ trợ và nhà xưởng đã thuê và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên B sử dụng diện tích đã thuê có hiệu quả.

- Phải đảm bảo nhà vệ sinh, công trình phụ và nhà xưởng cho bên B thuê là phù hợp với quy hoạch của bên A đã được phê duyệt, đảm bảo quyền sử dụng và quyền sở hữu hợp pháp.



- Nhà xưởng không đột nát, cửa sổ và cửa ra vào đảm bảo theo đúng yêu cầu của cơ quan phòng chống cháy nổ và chắc chắn.

- Cung cấp cho bên B (Nếu cần) toàn bộ giấy tờ hợp lệ để bên B làm thủ tục hồ sơ cần thiết với các cơ quan chức năng của tỉnh Bắc Giang.

- Có trách nhiệm trông coi bảo vệ vòng ngoài nhà xưởng cùng với bên B.

- Đảm bảo công suất dùng điện cho bên B là 100kVA tại trạm biến áp của bên A và đường cấp nước sạch bằng ống có đường kính tối thiểu là  $\phi 27$ .

- Khi hợp đồng chấm dứt bên A không gây bất cứ cản trở hoặc trở ngại nào đối với bên B trong việc di dời hàng hoá, thiết bị máy móc và các phương tiện làm việc khác của bên B đã đem vào trong xưởng, khi bên B đã thanh toán hết các chi phí cho bên A.

- Sửa chữa kịp thời các hư hỏng của nhà xưởng do hao mòn tự nhiên mà không do lỗi của bên B như: Tường, móng nhà dạn nứt tự nhiên, mái nhà bị đột...

- Cung cấp hoá đơn tài chính tiền thuê nhà xưởng và thuế VAT hợp pháp cho bên B.

- Được đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại nếu bên B không thực hiện đúng cam kết đã ghi trong hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật trong sản xuất kinh doanh bị nhà nước Việt Nam đình chỉ sản xuất thu hồi giấy phép kinh doanh.

- Được nhận tiền thuê nhà xưởng do bên B trả theo điều 3 của hợp đồng này.

- Bên A không chịu trách nhiệm mọi thiệt hại mất mát, hư hỏng, thiếu hụt hàng hóa do công tác bảo quản, xuất nhập của bên B.

#### **4.2- Trách nhiệm của bên B:**

- Phải có trách nhiệm quản lý và bảo quản nhà xưởng, nhà vệ sinh, công trình phụ trợ.

- Sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã được các cơ quan chức năng có thẩm quyền tại tỉnh Bắc Giang hoặc nhà nước Việt Nam cho phép và theo trong hợp đồng đã ký kết.

- Không được dùng nhà xưởng vào việc sản xuất, chứa chấp hàng lậu, hàng quốc cấm. Nếu để xảy ra hiện tượng trên, khi có cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện thì bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nhà nước Việt Nam.

- Không được tự ý tháo dỡ, coi nới, xây mới làm thay đổi kết cấu, thiết kế ban đầu của nhà xưởng khi chưa được sự đồng ý của bên A.

- Không được phép cho đơn vị khác thuê lại khi không còn nhu cầu sử dụng mà không được sự đồng ý của bên A.

- Phải tuân thủ các biện pháp, yêu cầu phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan cảnh sát PCCC và luật phòng chống cháy nổ.



- Trong quá trình sử dụng nếu có hiện tượng hư hỏng hoặc cháy, nổ... xảy ra mà do lỗi của bên B thì bên B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đó.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm mọi thiệt hại mất mát, hư hỏng, thiếu hụt hàng hóa của công ty mình do công tác bảo quản, xuất nhập gây nên.

- Thanh toán tiền thuê nhà xưởng, nhà vệ sinh, công trình phụ trợ và tiền điện, tiền nước cũng như tiền thuế VAT đúng thời hạn cho bên A.

- Chịu các khoản thuế liên quan đến việc sản xuất kinh doanh của mình.

- Tuân thủ và chịu mọi trách nhiệm các quy định về vệ sinh môi trường trước pháp luật Việt Nam khi đi vào sản xuất kinh doanh

- Chịu mọi trách nhiệm về an ninh trật tự và an toàn lao động trong sản xuất kinh doanh.

- Bên B cử người cùng bên A lập sổ theo dõi và ghi chỉ số tiêu thụ điện năng và chỉ số nước tiêu thụ hàng tháng để lập hoá đơn thanh toán tiền điện và tiền nước cho ngành điện và ngành nước theo đúng kỳ hạn.

- Bên B cử 01 người bảo vệ tại cổng ra vào để mở cổng trông coi xe và hàng hoá ra vào cổng của bên B.

#### **ĐIỀU V: BẤT KHẢ KHÁNG**

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

#### **ĐIỀU VI: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.**

Trong quá trình thực hiện nếu có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu hai bên thương lượng không thành sẽ đưa ra tòa án kinh tế Nhà nước tại Bắc Giang giải quyết. Phán quyết của toàn án kinh tế là cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai bên. Chi phí tòa án do bên có lỗi chịu.

#### **ĐIỀU VII: ĐIỀU KHOẢN KHÁC.**

Bên A đồng ý cho bên B cùng sử dụng chung cổng ra vào, nhà bảo vệ của Công ty, đường ô tô nội bộ để xe ô tô bên B ra vào bốc dỡ vận chuyển hàng hoá. Trong quá trình sử dụng công trình phụ nếu thấy cần thiết phải mở rộng thêm thì hai bên bàn bạc để đầu tư xây dựng bổ sung, kinh phí xây dựng do bên B chịu trách nhiệm. Vệ sinh quét dọn nhà vệ sinh hàng ngày do bên B đảm nhiệm.



### **ĐIỀU VIII: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.**

8.1- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ký trong hợp đồng và giúp đỡ nhau trên mọi tinh thần hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của mỗi bên.

8.2- Nếu hợp đồng đang thực hiện dở dang mà một trong hai bên có thay đổi về tổ chức pháp nhân như sáp nhập, chia tách, cổ phần hóa thì hợp đồng chính thức này có hiệu lực và còn nguyên giá trị thực hiện tiếp.

8.3- Nếu hợp đồng đang thực hiện dở dang mà một trong hai bên có thay đổi về thời gian trước hạn thì phải được bên kia chấp thuận và phải bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng cho bên kia cụ thể như sau:

Bên A (Hoặc bên B) chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không nằm trong sự kiện bất khả kháng, thì bên A (Hoặc bên B) phải bồi thường cho bên B (Hoặc bên A) thời gian còn lại với số tiền bằng  $\frac{1}{2}$  đơn giá cho thuê.

Việc một bên không hoàn thành được nghĩa vụ của mình phải chấm dứt hợp đồng do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bồi thường bên kia.

8.4- Mọi biên bản, phụ lục hợp đồng có liên quan đến bản hợp đồng này do đại diện hợp pháp hai bên ký nhận đều có giá trị thực hiện và là một phần không tách rời của bản hợp đồng này.

8.5- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, mọi sửa đổi bổ sung phải được hai bên thống nhất và xác nhận bằng văn bản.

8.6- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực từ khi ký hợp đồng cho đến khi hai bên thanh quyết toán xong và thanh lý hợp đồng.

**CÔNG TY TNHH  
ĐIỆN PHÒNG HOÀNG**



**GIÁM ĐỐC**

*Dương Thị Hoàng*

**CÔNG TY TNHH CT BG VINA**



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Thị Lê Thu*





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

**Mã số dự án: 3238816816**

**Chấp thuận lần đầu: Ngày 19 tháng 4 năm 2004**

**Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 11 tháng 01 năm 2017**

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 114/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 691/2016/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 94/CV-CT ngày 19/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận đầu tư cho Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Dự án đầu tư của Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG**

**Chứng nhận:**

Dự án đầu tư: “Nhà máy chế tạo máy hàn điện, sửa chữa động cơ điện” kèm theo Công văn số 94/CV-CT ngày 19/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư cho Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng.

**Được đăng ký điều chỉnh mục tiêu, quy mô Dự án đầu tư như sau:**

**1. Nhà đầu tư: Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400292209, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 30/6/2014.

Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang.

**2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư:**

Họ và tên: DƯƠNG THỊ HOÀNG

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 28/03/1956

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Chứng minh thư nhân dân số: 121511716 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 04/01/2016.

Địa chỉ thường trú: 23 đường Đồng Cửa, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: 23 đường Đồng Cửa, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

**Đăng ký thực hiện Dự án đầu tư với nội dung như sau:**

**Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:**

1. Tên Dự án đầu tư: Nhà máy chế tạo máy hàn điện, sửa chữa động cơ điện.

2. Mục tiêu Dự án đầu tư:

- + Sản xuất máy hàn điện các loại;
- + Sửa chữa động cơ điện các loại ;
- + Cho thuê nhà xưởng dư thừa.



**3. Quy mô Dự án đầu tư:**

- + Sản xuất máy hàn điện các loại: 1.000 cái/năm;
- + Sửa chữa động cơ điện các loại: 500 cái/năm;
- + Cho thuê nhà xưởng dư thừa: Khoảng 2.000m<sup>2</sup>.

**4. Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư:** Lô C2, Khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**5. Diện tích đất sử dụng:** Khoảng 5.026 m<sup>2</sup>.

**6. Tổng vốn đầu tư của Dự án:** 11.840.000.000 VNĐ (Mười một tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng Việt Nam).

**Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:** Đã thực hiện.

**7. Thời hạn hoạt động của Dự án:** Đến ngày 30/6/2054.

**8. Tiến độ thực hiện Dự án:** Dự án đã hoạt động sản xuất.

**Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

1. **Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:** Theo quy định hiện hành của Nhà nước.
2. **Ưu đãi về thuế nhập khẩu:** Theo quy định hiện hành của Nhà nước.
3. **Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất:** Theo quy định hiện hành của Nhà nước.
4. **Các biện pháp hỗ trợ đầu tư:** Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3. Các điều kiện đối với hoạt động của dự án:**

**Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng có trách nhiệm:**

1. Báo cáo Ban Quản lý các KCN xin chủ trương đối với các dự án dự kiến cho thuê nhà xưởng sản xuất trước khi ký hợp đồng nguyên tắc cho thuê xưởng.
2. Hoạt động cho thuê nhà xưởng phải hạch toán riêng và không được áp dụng ưu đãi đầu tư; thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; chịu trách nhiệm về huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư theo quy định.
3. Chấp hành đầy đủ các quy định và thực hiện các biện pháp liên quan đến xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và môi sinh, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.
4. Tuân thủ pháp luật và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động.
5. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Công văn số 94/CV-CT ngày 19/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận đầu tư cho Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng được cấp 01 bản, 01 bản được lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Anh Quyền



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 187 /QB-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 7 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết  
“Nhà máy chế tạo máy hàn điện, sửa chữa động cơ điện”

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 167/TTr-TNMT ngày 22/3/2018,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) “Nhà máy chế tạo máy hàn điện, sửa chữa động cơ điện” (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí cơ sở: Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Quy mô, công suất:

- Sản xuất máy hàn điện các loại: 1000 cái/năm;
- Sửa chữa động cơ điện các loại: 500 cái/năm;
- Cho thuê nhà xưởng dư thừa: Khoảng 2000 m<sup>2</sup>.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án;

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường;



**HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
**Số: 33/2012/HĐXLNT-KCNĐT**

- Căn cứ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước thải đô thị và công nghiệp.

- Căn cứ Văn bản chấp thuận đầu tư số: 94/CV – CT ngày 19 tháng 01 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ Quyết định số 314/2012/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định đơn giá tiền xử lý nước thải KCN Đình Trám.

Hôm nay, ngày 07/11/2012 tại Công ty Phát triển hạ tầng KCN tỉnh Bắc Giang, chúng tôi gồm có:

**I. BÊN TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ (GỌI TẮT LÀ BÊN A)**

**CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN TỈNH BẮC GIANG**

- Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Bình
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Số tài khoản : 2502.211.000.505 tại NHN0&PTNT KCN Đình Trám.
- Mã số thuế : 2400.401987

**II. BÊN XẢ THẢI ( GỌI TẮT LÀ BÊN B )**

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN PHÒNG HOÀNG**

- Người đại diện: Bà Dương Thị Hoàng.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Giám đốc.
- Địa chỉ: KCN Đình Trám tỉnh Bắc Giang.
- Điện thoại: 0240.2217.486 / Fax: 02403.866.811
- Tài khoản: 43110000002168 Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Giang.
- Mã số thuế: 2400292209.



+ Sau 15 ngày, nếu Bên B chưa khắc phục, Bên A ra thông báo và ngưng tiếp nhận nước thải. Bên A sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật và yêu cầu ngừng cung cấp nước sạch cho doanh nghiệp.

~~+ Trường hợp tính chất nước thải của Bên B gây ảnh hưởng xấu gây hư hỏng hoặc tắc nghẽn hệ thống xử lý nước thải của Bên A, Bên A sẽ lập Biên bản và yêu cầu Bên B khắc phục ngay. Nếu Bên B không khắc phục, Bên A được quyền ngưng tiếp nhận nước thải và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật.~~

- Bên B không thực hiện thanh toán tiền xử lý nước thải đúng, đủ sau 02 kỳ liên tiếp, bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của bên B và không chịu bất kỳ trách nhiệm gì liên quan đến chất lượng nước thải của bên B.

- Trong trường hợp Bên B vi phạm các điểm nêu trên đây mà gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường cho Bên A chi phí phát sinh do những thiệt hại.

#### **ĐIỀU 4 : ĐƠN GIÁ TIỀN XỬ LÝ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.**

**4.1. Đơn giá tiền xử lý nước thải :** Quy định tại điểm 1, điều 1, Quyết định số 314/2012/QĐ-UBND:

Đơn giá tiền xử lý nước thải: 6.200 đồng/01m<sup>3</sup> (Sáu nghìn hai trăm đồng trên một mét khối).

#### **4.2. Điều chỉnh đơn giá tiền xử lý nước thải :**

Đơn giá tiền xử lý nước thải được điều chỉnh trong trường hợp có sự thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước và Quy định của KCN. Đơn giá được thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang.

#### **4.3. Phương thức và thời hạn thanh toán :**

- Phương thức thanh toán : Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán : Hàng tháng Bên A sẽ gửi giấy báo thu tiền xử lý nước thải cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

- Tiền xử lý nước thải được thanh toán bằng Việt Nam đồng.

#### **ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN:**

##### **5.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:**

##### **5.1.1. Quyền hạn:**

- Được thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thu gom nước thải theo Hợp đồng đã ký kết.



## ĐIỀU 7 : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

7.1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây :

- Khi hết thời hạn như qui định tại điều 6 của Hợp đồng này.
- Bên B không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm ghi ở mục 5.2.2 của Hợp đồng này.

- Dự án của bên B chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.
- Hai bên đồng ý thanh lý, chấm dứt Hợp đồng.

7.2. Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên B vẫn phải trả đủ cho Bên A các khoản chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại KCN.

7.3. Khi chấm dứt hợp đồng, bên A sẽ thông báo cho bên B đến làm việc để thực hiện thanh lý hợp đồng. Sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo, nếu bên B không đến làm việc, bên A sẽ đơn phương thanh lý hợp đồng và ngừng tiếp nhận nước thải của bên B.

## ĐIỀU 8 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng Tiếng Việt. Mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Bình

ĐẠI DIỆN B

CHẤM ĐÓC



Dương Thị Hoàng

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CHỨNG THỰC: 87/LQ.SỐ: 17/SCI-BS

Ngày... tháng... năm 201...



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Bư



Số: 1301/TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét văn bản đề nghị thẩm duyệt PCCC số 27/CV-TDPCCC ngày 18/6/2018 của Công ty TNHH C&T Việt Tuấn.

Người đại diện là Bà: Nguyễn Thị Lệ Thu; Chức danh: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**  
**CHỨNG NHẬN**

**Công trình: Nhà máy C&T Việt Tuấn**

Địa điểm: Nhà xưởng số 4, lô C2 khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH C&T Việt Tuấn.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH PCCC và CNCH Toàn Cầu.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Lối thoát nạn ra khỏi công trình;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
- Hạng nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố;
- Trang bị bình chữa cháy tại chỗ và nội quy, tiêu lệnh PCCC.

Theo tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Yêu cầu: Các cửa của lối ra thoát nạn phải có: Chiều cao  $\geq 1,9$  m và chiều rộng  $\geq 0,9$  m; máy bơm chữa cháy phải đảm bảo cột áp  $\geq 56$  mcn.

Nơi nhận:

- C.ty TNHH C&T Việt Tuấn;
- Lưu PCCC.

Bắc Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2018



Thượng tá Nguyễn Việt Bình



**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**  
**ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.	Thuyết minh thiết kế		
2.	Mặt bằng định vị nhà xưởng	MB:01	
3.	Mặt bằng nhà xưởng tầng 1 và tầng 2	MB:02	
4.	Mặt bằng hệ thống báo cháy tự động nhà xưởng tầng 1 và tầng 2	BC:01 BC:02	
5.	Sơ đồ nguyên lý hệ thống chữa cháy tự động	BC:03	
6.	Chi tiết lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động	BC:04	
7.	Mặt bằng hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn tầng 1 và tầng 2	EX:01 EX:02	
8.	Chi tiết lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn	EX:03	
9.	Sơ đồ nguyên lý hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn	EX:04	
10.	Mặt bằng hệ thống chữa cháy vách tường	CC-01	
11.	Mặt bằng hệ thống chữa cháy vách tường và bình chữa cháy tầng 1 và tầng 2	CC-02 CC-03	
12.	Sơ đồ nguyên lý hệ thống chữa cháy vách tường	CC-04	
13.	Chi tiết lắp đặt hộp chữa cháy	CC-05	
14.	Chi tiết lắp đặt giá đựng bình chữa cháy	CC-06	
15.	Mặt bằng tổng thể hệ thống chữa cháy tự động sprinkler	SPL-01	
16.	Mặt bằng tổng thể hệ thống chữa cháy tự động sprinkler tầng 1 và tầng 2	SPL-02 SPL-03	
17.	Sơ đồ không gian hệ thống chữa cháy tự động sprinkler	SPL-04	
18.	Sơ đồ không gian và chi tiết lắp đặt máy bơm chữa cháy	SPL-05	
19.	Sơ đồ không gian hệ thống cấp nước chữa cháy	SPL-06	





**BIÊN BẢN NGHIỆM THU  
HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

Vào hồi: 14 giờ 15 phút ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Công ty TNHH C&T Việt Tuấn.

Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, lô C2 khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (*thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng*).

**Chúng tôi gồm:**

**I. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bắc Giang**

- Đ/c Thiếu tá Nguyễn Văn Bảo - Chức vụ: Phó đội trưởng.
- Đ/c Đại úy Lê Thanh Kiên - Chức vụ: Phó đội trưởng.

**II. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH C&T Việt Tuấn**

- Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Chức danh: Giám đốc.
- Ông Thân Đức Anh - Quản lý.

**III. Đơn vị thi công: Công ty TNHH PCCC và CNCH Toàn Cầu**

- Ông Vũ Văn Nam - Chức danh: Giám đốc.
- Ông Hà Văn Thanh - Cán bộ kỹ thuật.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy tại công trình Nhà máy C&T Việt Tuấn, thuộc Công ty TNHH C&T Việt Tuấn, với các hạng mục: Lối thoát nạn ra khỏi công trình; hệ thống báo cháy tự động; họng nước chữa cháy trong nhà; hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố; trang bị bình chữa cháy tại chỗ và niêm yết nội quy, tiêu lệnh PCCC.

**Tình hình và kết quả như sau**

**1. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật gồm các tài liệu**

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 1301/TD-PCCC ngày 22/6/2018 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bắc Giang;
- Bản vẽ thiết kế thi công hệ thống PCCC;
- Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC;
- Công văn đề nghị nghiệm thu hệ thống PCCC số 52/CVPCCC ngày 16/7/2018 của Công ty TNHH C&T Việt Tuấn.



- Các biên bản nghiệm thu khối lượng lắp đặt vật tư, thiết bị PCCC của công trình giữa đơn vị thi công và chủ đầu tư cùng một số tài liệu khác có liên quan.

## **2. Kiểm tra và thử nghiệm thực tế hệ thống PCCC**

### **\* Kiểm tra thực tế**

- Lối thoát nạn: Chủ đầu tư đã thi công đảm bảo đủ các lối thoát nạn ra khỏi công trình theo đúng hồ sơ đã được thẩm duyệt.

- Hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt gồm: Trung tâm báo cháy 5 kênh; 21 đầu báo cháy khói; 23 đầu báo cháy nhiệt và 09 tổ hợp chuông, đèn cùng nút ấn báo cháy được kết nối với tủ trung tâm.

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Được đấu nối với hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC. Gồm 06 họng nước chữa cháy trong nhà (tầng một 03 họng, tầng hai 03 họng, tại mỗi họng có 01 cuộn vòi D50, 01 lăng B và 01 van khóa).

- Hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn gồm: 09 đèn chỉ dẫn thoát nạn được lắp phía trên các cửa thoát nạn và 09 đèn chiếu sáng sự cố được lắp tại các vị trí thích hợp trong nhà xưởng, trên các lối và đường thoát nạn đảm bảo khả năng chiếu sáng và chỉ dẫn thoát nạn cho người trong điều kiện cháy;

- Trang bị bình chữa cháy xách tay gồm: 39 bình bột chữa cháy MFZL4 - ABC và 15 bình khí CO<sub>2</sub> MT3; niêm yết nội quy, tiêu lệnh PCCC tại những vị trí dễ quan sát, theo đúng hồ sơ đã được thẩm duyệt.

### **\* Thử nghiệm hệ thống**

Đã tiến hành kiểm tra sự hoạt động của hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà, trang bị bình chữa cháy và hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố.

- Hệ thống báo cháy tự động: Thử xác suất 02 đầu báo cháy khói và 02 đầu báo cháy nhiệt hoạt động bình thường.

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Khởi động máy bơm chữa cháy, cho ra nước tại 02 họng nước chữa cháy xa nhất tính từ nhà máy bơm chữa cháy: Đảm bảo lưu lượng, áp lực phục vụ chữa cháy.

- Bình chữa cháy:

+ Bình bột MFZL4 - ABC: Kiểm tra chỉ số đồng hồ đo áp lực khí đầy đảm bảo yêu cầu chữa cháy;

+ Bình khí CO<sub>2</sub> MT3: Cân trọng lượng, đảm bảo theo tiêu chuẩn.



- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn: Ngắt nguồn cấp điện, các đèn đều sáng bình thường.

### 3. Kết luận và kiến nghị

#### \* Kết luận

- Chủ đầu tư thi công các lối ra thoát nạn bảo đảm đủ số lượng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt. Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; hệ thống báo cháy tự động, đèn chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố và các bình chữa cháy xách tay được trang bị, lắp đặt đủ số lượng theo thiết kế đã được thẩm duyệt. Tại thời điểm kiểm tra các hệ thống, phương tiện trên hoạt động bình thường.

#### \* Kiến nghị

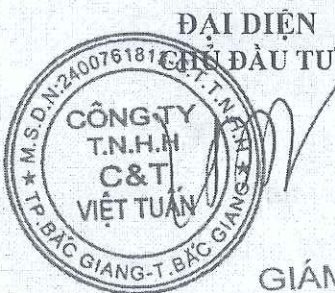
1. Đề nghị đơn vị thi công hướng dẫn cho chủ đầu tư cách sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng hệ thống PCCC, đồng thời niêm yết sơ đồ và cách thao tác, sử dụng, vận hành hệ thống báo cháy tự động.

2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý công tác PCCC; xây dựng bổ sung phương án chữa cháy của cơ sở trình Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt; thành lập đội chữa cháy cơ sở và tổ chức tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho toàn thể cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở trước khi đi vào hoạt động.

2. Yêu cầu bên cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Điện Phòng Hoàng) cải tạo bể dự trữ nước chữa cháy và trang bị, lắp đặt các máy bơm chữa cháy phù hợp bảo đảm cung cấp đủ nước cho hệ thống chữa cháy tự động sprinkler. Thi công lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động sprinkler theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt (Thời hạn thực hiện: Xong trước ngày 31/12/2018).

4. Đảm bảo ít nhất có 02 cửa thoát nạn tại mỗi tầng mở theo chiều thoát nạn từ trong ra ngoài.

Biên bản được lập xong vào hồi 16 giờ 55 phút cùng ngày, được lập thành 03 bản mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, thống nhất và ký tên dưới đây./.



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Lê Thu



GIÁM ĐỐC  
Vũ Văn Nam

ĐẠI DIỆN  
PHÒNG CS. PCCC VÀ CNCH

A handwritten signature in black ink, belonging to Thiếu tá Nguyễn Văn Bảo.

Thiếu tá Nguyễn Văn Bảo



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**

V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại

Số: **20200414**/HĐXL

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 năm 2005
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 quy định về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên Môi trường
- Căn cứ yêu cầu của Công ty TNHH C&T Việt Tuấn
- Căn cứ chức năng và năng lực của Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành

Hôm nay, ngày 01/11/2020, tại trụ sở Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH C&T VIỆT TUẤN**

- Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
- Điện thoại: 02043 862 886
- Tài khoản số: 0731 000 648 377 - tại ngân hàng VCB chi nhánh Bắc Giang
- Mã số thuế: 2400761813
- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Chức vụ: Giám đốc

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH**

- Địa chỉ: thôn Ngọc Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: 02413 774 998 - Fax:
- Tài khoản số: 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Bắc Ninh
- Mã số thuế: 2300426314
- Đại diện: Ông Đoàn Văn Hữu - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 09/MTTT-GUQ ký ngày 01/07/2020)

**Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng với các điều khoản như sau:**

**Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau :**

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của của Bên A theo đúng các quy định pháp luật về quản lý chất thải liên quan của Việt Nam.

**Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương thức xử lý, phương tiện vận chuyển**

1. Địa điểm giao chất thải: tại Công ty TNHH C&T Việt Tuấn.



- Địa chỉ: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
- Phương thức xử lý chất thải: Theo đúng các phương án được cấp phép trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH 1-2-3.036.VX của Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành.
- Thời gian giao nhận chất thải: Chậm nhất sau 48 tiếng kể từ khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật.
- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đã được Bộ TNMT cấp phép.

### **Điều 3: Đơn giá xử lý và phương thức thanh toán**

- Danh mục chất thải và đơn giá xử lý:

STT	Danh mục chất thải	Trạng thái	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	Kg	18 02 01	4.500
2.	Dầu bôi trơn, tổng hợp thải	Lỏng	Kg	17 02 03	3.000
3.	Nước thải lẫn dầu	Lỏng	Kg	19 12 02	3.000
4.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	Kg	16 01 06	4.500
5.	Cặn sơn, bột mài, vecni thải	Rắn	Kg	08 01 01	4.500
6.	Hộp mực in thải	Rắn	Kg	08 02 04	4.500
7.	Mực in thải	Lỏng	Kg	08 02 01	4.500
8.	Bản mạch, sản phẩm điện tử lỗi hỏng chứa TPNH	Rắn	Kg	19 02 06	3.000
9.	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	Kg	18 01 02	3.000
10.	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	Kg	18 01 03	3.000
11.	Nước thải từ quá trình mạ	Lỏng	M <sup>3</sup>	19 10 01	2.600.000
12.	Dung môi tẩy rửa thải nhiễm TPNH	Lỏng	Kg	07 01 06	2.600
13.	Than hoạt tính thải	Rắn	Kg	12 01 04	4.000
14.	Nước thải lẫn cặn sơn	Rắn	Kg		2.600
15.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	M <sup>3</sup>		300.000
16.	Axit tẩy rửa thải	Lỏng	Kg		4.500
17.	Rác thải công nghiệp không tái chế	Rắn	Kg		3.000

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng lần thu gom.
- Ngày 29 hoặc 30 hàng tháng, Bên B sẽ lập bảng tổng hợp khối lượng chất thải (bao gồm đơn giá và số lượng chất thải cụ thể) để hai bên đối chiếu, xác nhận làm cơ sở thanh toán.



4. Phương thức và thời gian thanh toán: Bên A sẽ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trong vòng 35 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hóa đơn tài chính hợp lệ từ Bên B, bảng tổng hợp khối lượng chất thải trong tháng và các chứng từ CTNH có liên quan.

#### **Điều 4: Trách nhiệm chung của các bên**

##### **Trách nhiệm của Bên A:**

- Hỗ trợ Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.
- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và cân đo khối lượng, quá trình xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

##### **Trách nhiệm của Bên B:**

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình trên.
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm sau khi đã nhận chất thải từ bên A. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.
- Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.
- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.
- Ký xác nhận và trả lại đầy đủ cho Bên A bộ chứng từ CTNH sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.



- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải.

**Điều 5: Điều khoản chung**

1. **Bảo mật:** Các giấy tờ, tài liệu, thông tin trao đổi giữa Bên A và Bên B được coi là thuộc sở hữu của các Bên và các Bên có trách nhiệm giữ bí mật và chỉ được tiết lộ cho người khác nếu được sự đồng ý trước bằng văn bản của phía bên kia.
2. Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai bên cam kết trao đổi một cách công khai cho nhau các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.
3. Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và việc sửa đổi bổ sung đó là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
4. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, phán quyết của tòa án sẽ có hiệu lực cuối cùng.

**Điều 6: Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết thời hạn trên nếu không có bên nào yêu cầu chấm dứt hợp đồng thì Hợp đồng này được tự động gia hạn mỗi lần 12 tháng.
2. Trong trường hợp một trong hai Bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.
3. Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

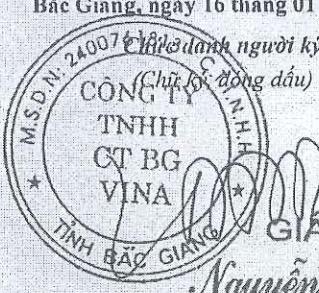
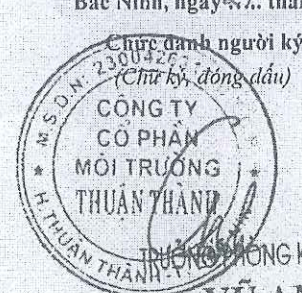


GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thị Lệ Thu*



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
ĐOÀN VĂN HỮU

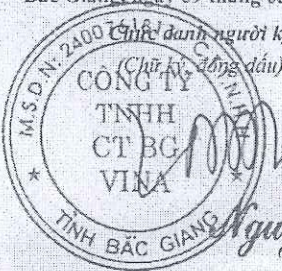
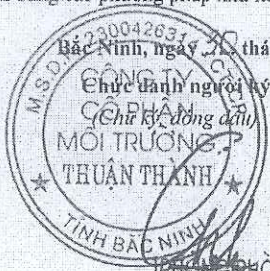


TỈNH/THÀNH PHỐ BẮC NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1505/2023/249/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH		Số GPMT: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Thôn Ngọc Khảm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
Địa chỉ cơ sở: Thôn Ngọc Khảm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CT BG VINA		Mã số QLCTNH: 24.000270.T					
Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý tiêu hủy
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, gang tay dính dầu	x			18 02 01	162	TD
2	Cặn sơn, bột mài, vecni thải	x			08 01 01	1088	TD
3	Nước thải lẫn cặn sơn		X		19 10 01	3738	Hoà ly
4							
5							
6							
* Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); Th (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); Sh (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): .....		Nước nhập khẩu: .....		Cửa khẩu nhập: .....			
Số phương tiện: .....		Ngày xuất cảng: .....		Cửa khẩu xuất: .....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99C 044.29			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: .....				Ký: .....		Ngày: 16/01/2023	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....				Ký: .....		Ngày: / /	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.			
Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2023  Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu) <b>GIÁM ĐỐC</b> <b>Nguyễn Thị Lê Thu</b>				Bắc Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2023  Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu) <b>TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT</b> <b>VŨ ANH TÚ</b>			

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

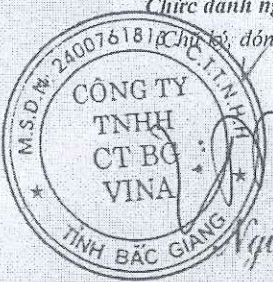
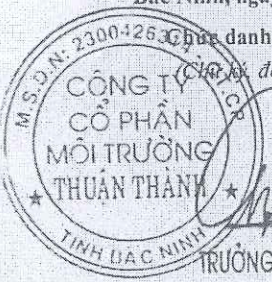
Ghi chú:



TỈNH/THÀNH PHỐ BẮC NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 14.833.249/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH		Số GPMT: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Thôn Ngọc Khảm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
Địa chỉ cơ sở: Thôn Ngọc Khảm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CT BG VINA		Mã số QLCTNH: 24.000270.T					
Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
4. Kê khai CTNH chuyển giao xử lý nêu thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý tiêu hủy
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn, bột màu, vữa thải	x			08 01 01	460	TD
2	Nước thải rửa cặn sơn		x		19 10 01	5,936	XLNT
3	Gỗ lạt, gang tay dính dầu	x			18 02 01	231	TD
4							
5							
6							
* Ghi lần lượt (kỳ hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); Th (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); Sh (Sinh học); ĐX (Đóng xú lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu: .....		Cửa khẩu nhập: .....			
Số phương tiện: .....		Ngày xuất cảng: .....		Cửa khẩu xuất: .....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99C 05110			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: ... Nguyễn Văn Tuyên				Ký: ... Tuyên		Ngày: 09/05/2023	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....				Ký: .....		Ngày: / /	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.			
Bắc Giang, ngày 09 tháng 05 năm 2023  (Chữ ký, đóng dấu) GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Lệ Thu				Bắc Ninh, ngày 09 tháng 05 năm 2023  (Chữ ký, đóng dấu) TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT VŨ ANH TÚ			

@ Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒  
 Ghi chú:





TỈNH/THÀNH PHỐ BẮC NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 17085.1249/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH		Số GPMT: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Thôn Ngọc Khâm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
Địa chỉ cơ sở: Thôn Ngọc Khâm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CT BG VINA		Mã số QLCTNH: 24.000270.T					
Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (tải dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý tiêu hủy
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn, bột mài, vecni thải	X			08 01 01	300	TD
2	Giẻ lau, gang tay dính dầu	X			18 02 01	70	TD
3							
4							
5							
* Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); Th (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); Sh (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): .....		Nước nhập khẩu: .....		Cửa khẩu nhập: .....			
Số phương tiện: .....		Ngày xuất cảng: .....		Cửa khẩu xuất: .....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99C 05110			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thiển				Ký: ... Thiển ...		Ngày: 01/06/2023	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....				Ký: .....		Ngày: / /	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.			
Bắc Giang, ngày 01 tháng 06 năm 2023 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Lệ Thu				Bắc Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2023 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)  TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT VŨ ANH TÚ			

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐

Ghi chú:



TỈNH/THÀNH PHỐ BẮC NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 20/2023/249/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH		Số GPMT: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Đường Ngọc Chấn, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
Địa chỉ cơ sở: Đường Ngọc Chấn, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CT BG VINA		Mã số QLCTNH: 24.000270.T					
Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Yên Hòa, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Yên Hòa, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho hàng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý tiêu hủy
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn, bột màu, vụn sơn	x			08 01 01	560	Th
2	Nước thải lẫn cặn sơn		x		19 10 01	5,625	Hóa lý
3							
4							
5							
<p>* Ghi lần lượt (kí hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); Th (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); Sh (Sinh học); DX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khắc (tên phương pháp).</p>							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99C 13026			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trương Văn Tấn				Ký: Tấn		Ngày: 20/06/2023	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký:		Ngày: / /	
<p>6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)</p> <p style="text-align: center;">Bắc Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2023</p> <p style="text-align: center;">Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)</p> <div style="text-align: center;">  </div>				<p>8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.</p> <p style="text-align: center;">Bắc Ninh, ngày 27 tháng 6 năm 2023</p> <p style="text-align: center;">Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: right;">TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT <b>VŨ ANH TÚ</b></p>			

@Liên số: 1 ☐ ☐

Ghi chú:

**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thị Lệ Thu*



TỈNH/THÀNH PHỐ BẮC NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 22.12.3.../249/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH		Số GPMT: 249/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ngọc Khảm, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
Địa chỉ cơ sở: Khu phố Ngọc Khảm, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh		ĐT: 0222.3774.998					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CT BG VINA		Mã số QLCTNH: 24.000270.T					
Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 4, Lô C2, Khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, Lô C2, Khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang		ĐT: 02043.862.886					
4. Xếp loại CTNH chuyển giao từ bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý tiêu hủy
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn, bột màu, vữa mi tô	x			08 01 01	1,252	Th
2	Nước thải rửa cặn sơn		x		19 10 01	3,280	Hóa lý
3	Cặn lau, gang tay dính dầu	x			18 02 01	118	Th
4							
5							
6							
* Ghi lần lượt (kỳ hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); Th (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); Sh (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:	Cửa khẩu nhập:				
Số phương tiện:		Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu xuất:				
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99C 12948					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Bá Mạnh		Ký: Mạnh	Ngày: 21/07/2023				
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:		Ký:	Ngày: / /				
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)		8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.					
<p>Bắc Giang, ngày 21 tháng 07 năm 2023</p> <p>Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)</p> <p>CÔNG TY TNHH CT BG VINA</p> <p>TỈNH BẮC GIANG</p> <p>CHẤM ĐỐC</p> <p>Nguyễn Thị Lê Thu</p>		<p>Bắc Ninh, ngày 24 tháng 7 năm 2023</p> <p>Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH</p> <p>TỈNH BẮC NINH</p> <p>TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT</p> <p>VŨ ANH TÚ</p>					

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:



TỈNH/THÀNH PHỐ  
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
Số: 08.1- BG/2022/1-2-3.036.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

Mã số QLCTNH: 1-2-3.036.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Ngọc Khâm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3774.998

Địa chỉ cơ sở: Thôn Ngọc Khâm, xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3774.998

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CT BG VINÀ

Mã số QLCTNH: 24.000270.T

Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

ĐT: 02043.862.886

Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, Lô C2, khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

ĐT: 02043.862.886

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý tiêu hủy
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải lẫn cặn sơn		X		19 10 01	7078	XI NT
2							
3							
4							
5							
6							

\* Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); Th (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); Sh (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 99C-062.78

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Tuyên

Ký: Tuyên

Ngày: 25/07/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày: / /

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất với chủ vận chuyển và chủ xử lý, tiêu hủy kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bắc Giang, ngày 25 tháng 07 năm 2022

Chức danh người ký

(Ký, đóng dấu)

TNHH CT BG VINÀ

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lệ Thu

8. Chủ xử lý, tiêu hủy xác nhận đã hoàn thành việc xử lý, tiêu hủy an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

Chức danh người ký

(Ký, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT

VŨ ANH TÚ

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03927/2022/PKQ.22.1082

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại xưởng sản xuất tầng 1 KLV.02: Tại khu vực văn phòng tầng 2
Ngày quan trắc	24/03/2022
Ngày phân tích	24/03/2022 đến 11/04/2022
Ngày trả kết quả	11/04/2022

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ <sup>(*)</sup>	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	22,5	25,1	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm <sup>(*)</sup>	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,5	71,3	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió <sup>(*)</sup>	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn <sup>(*)</sup>	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,1	54,2	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,23	0,11	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	5,112	5,003	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,119	0,083	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,125	0,091	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(*)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,165	0,140	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	0,0365	0,0235	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	0,064	0,049	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi kết hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03927/2022/PKQ.22.1082

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

P. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

CHỦ TỊCH HĐQT

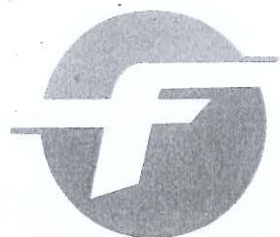
Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Phạm Thị Thắm



Nguyễn Minh Quang





KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Thôn Vinh Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: lab215.fec@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03928/2022/PKQ.22.1082

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn bột KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn mùi nước
Ngày quan trắc	24/03/2022
Ngày phân tích	24/03/2022 đến 11/04/2022
Ngày trả kết quả	11/04/2022

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
				KT.01	KT.02	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	31,4	35,4	500
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	99,6	99,0	1.000
3	NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	43,9	46,7	850
4	Bụi tổng (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	30,2	25,7	200
5	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	1,29	1,36	5 <sup>a</sup>
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	58,7	62,1	750 <sup>a</sup>
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	24,9	26,3	870 <sup>a</sup>

#### Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP

P. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Phạm Thị Thắm



Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
  2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;
  3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03 QT/CI.09 - LPH: 01



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09287/2022/PKQ.22.3303

### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.01: Tại xưởng sản xuất tầng 1 KL.V.02: Tại khu vực văn phòng tầng 2
Ngày quan trắc	24/06/2022
Ngày phân tích	24/06/2022 đến 06/07/2022
Ngày trả kết quả	06/07/2022

### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.01	KL.V.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,4	28,2	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,1	72,6	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	75,0	55,7	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,2	0,1	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	5,134	5,035	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,114	0,090	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,123	0,100	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,166	0,142	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	0,0019 (LOQ=0,003)	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	0,0045	KPH (MDL=0,001)	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	0,0021 (LOQ=0,003)	KPH (MDL=0,001)	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy.

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.OT/CL09 - LBH: 01





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 09287/2022/PKQ.22.3303

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas..

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 06 tháng 07 năm 2022

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thị Oanh





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHẮC İET TẠO NÊN GIÁ TRỊ

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09288/2022/PKQ.22.3303

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nèn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn bột KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn mùi nước
Ngày quan trắc	24/06/2022
Ngày phân tích	24/06/2022 đến 06/07/2022
Ngày trả kết quả	06/07/2022

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
				KT.01	KT.02	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	0,9	2,6	500
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	4,2	4,9	1.000
3	NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	2,5	3,8	850
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	33,6	26,7	200
5	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	1,73	1,74	5 <sup>a</sup>
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	35,1	35,4	750 <sup>a</sup>
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	1,93	1,94	870 <sup>a</sup>

#### Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Trâm

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 06 tháng 07 năm 2022

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;  
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;  
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;  
DM02-QT/CI.09 - I.BH.01





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB - SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12858/2022/PKQ.22.5016

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.01: Tại xưởng sản xuất tầng 1. Tọa độ: X=21.255921, Y=106.125267 KL.V.02: Tại khu vực văn phòng tầng 2. Tọa độ: X=21.256392, Y=106.125309
Ngày quan trắc	22/09/2022
Ngày phân tích	22/09/2022 đến 04/10/2022
Ngày trả kết quả	04/10/2022

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.01	KL.V.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,6	29,2	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,5	71,2	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	0,7	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,3	59,1	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,10	0,10	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	5,134	5,065	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,125	0,097	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,127	0,103	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,164	0,141	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	<0,0030	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	0,0088	KPH (MDL=0,001)	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300

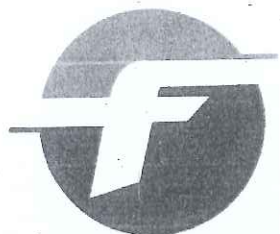
1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM





KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB - SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 12858/2022/PKQ.22.5016

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2022  
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thị Oanh





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12859/2022/PKQ.22.5016

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn bột Toạ độ: X=21.25622, Y=106.124974 KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn mùi nước Toạ độ: X=21.256206, Y=106.124975
Ngày quan trắc	22/09/2022
Ngày phân tích	22/09/2022 đến 04/10/2022
Ngày trả kết quả	04/10/2022

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C <sub>max</sub> <sup>(1)</sup>
				KT.01	KT.02	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	360
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	2,7	3,8	720
3	NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	1,6	1,7	612
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	37,9	27,2	144
5	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	0,804	0,686	5 <sup>a</sup>
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	25,2	20,6	750 <sup>a</sup>
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	2,74	2,30	870 <sup>a</sup>

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

PM493-CT/CLĐ - JPH-01





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIẾT TẠO NỀN GIÁ TRỊ

Số: 12859/2022/PKQ.22.5016

### Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1):  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$   
Trong đó: -  $C_{max}$  là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn ( $mg/Nm^3$ );  
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;  
-  $K_p$  là hệ số lưu lượng nguồn thải (với  $K_p = 0,9$  - lưu lượng nguồn thải  $20.000 \leq P \leq 100.000 m^3/h$ );  
-  $K_v$  là hệ số vùng, khu vực (với  $K_v = 0,8$  - địa điểm quan trắc tại huyện Việt Yên thuộc đô thị loại IV).;
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



Phan Thị Oanh





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB - SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 17957/2022/PKQ.22.6984

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.01: Tại xưởng sản xuất tầng 1. Tọa độ: X=21.256238, Y=106.125359 KL.V.02: Tại khu vực văn phòng tầng 2. Tọa độ: X=21.255857, Y=106.125281
Ngày quan trắc	21/12/2022
Ngày phân tích	21/12/2022 đến 27/12/2022
Ngày trả kết quả	27/12/2022

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.01	KL.V.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	21,5	22,8	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	62,5	63,1	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,4	61,7	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,15	0,10	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	5,167	5,142	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,119	0,113	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,128	0,122	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,176	0,150	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	<0,0030	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	0,0096	KPH (MDL=0,001)	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	<0,0030	KPH (MDL=0,001)	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhận viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03 QT/CT.09 - I.BH. 01





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB - SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÉN GIÁ TRỊ

Số: 17957/2022/PKQ.22.6984

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- “ < ” : Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.



Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



Phan Thị Oanh





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 17958/2022/PKQ.22.6984

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn bột Toạ độ: X=21.25622, Y=106.124974 KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn mùi nước Toạ độ: X=21.256206, Y=106.124975
Ngày quan trắc	21/12/2022
Ngày phân tích	21/12/2022 đến 27/12/2022
Ngày trả kết quả	27/12/2022

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Cmax <sup>(1)</sup>
				KT.01	KT.02	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	400
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	3,0	4,2	800
3	NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	1,8	2,3	680
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	35,3	29,5	160
5	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	0,529	0,698	5 <sup>a</sup>
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	20,3	26,7	750 <sup>a</sup>
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	7,50	10,1	870 <sup>a</sup>

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

PM03 QT/CI.02 - L.BH-01





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC IỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 17958/2022/PKQ.22.6984

### Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

+ (1):  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$

Trong đó:  $C_{max}$  là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn ( $mg/Nm^3$ );

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;

$K_p$  là hệ số lưu lượng nguồn thải (với  $K_p = 1$  - lưu lượng nguồn thải  $P \leq 20.000 m^3/h$ );

$K_v$  là hệ số vùng, khu vực (với  $K_v = 0,8$  - địa điểm quan trắc tại huyện Việt Yên thuộc đô thị loại IV).;

- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



Phan Thị Oanh





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02692/2023/PKQ.23.989

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại xưởng sản xuất tầng 1. Toạ độ: X=21.256238, Y=106.125359 KLV.02: Tại khu vực văn phòng tầng 2. Toạ độ: X=21.255857, Y=106.125281
Ngày quan trắc	28/03/2023
Ngày phân tích	28/03/2023 đến 05/04/2023
Ngày trả kết quả	05/04/2023

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	23,6	23,5	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	67,4	69,5	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	80,4	57,5	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,0042	0,0026	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	5,220	5,112	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,109	0,113	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,115	0,117	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,196	0,154	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D.	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi;

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 02692/2023/PKQ.23.989

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 05 tháng 04 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Hào*



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;  
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.  
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02693/2023/PKQ.23.989

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn bột Toạ độ: X=21.256220, Y=106.124974 KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn mùi nước Toạ độ: X=21.256206, Y=106.124975
Ngày quan trắc	28/03/2023
Ngày phân tích	28/03/2023 đến 05/04/2023
Ngày trả kết quả	05/04/2023

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, C <sub>max</sub> <sup>(1)</sup>
				KT.01	KT.02	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	400
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	0,7	1,1	800
3	NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	680
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	37,3	25,2	160
5	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	0,564	0,283	5 <sup>a</sup>
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	24,3	18,4	750 <sup>a</sup>
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	4,01	2,38	870 <sup>a</sup>

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC IẾT TẠO NỀN GIÁ TRỊ

Số: 02693/2023/PKQ.23.989

### Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

+ (1):  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$

Trong đó:  $C_{max}$  là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn ( $mg/Nm^3$ );

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;

$K_p$  là hệ số lưu lượng nguồn thải (với  $K_p = 1$  - lưu lượng nguồn thải  $P \leq 20.000 m^3/h$ );

$K_v$  là hệ số vùng, khu vực (với  $K_v = 0,8$  - địa điểm quan trắc tại huyện Việt Yên thuộc đô thị loại IV);

- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 05 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Hào*

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03 QT/CI.09 - I.BH: 01





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06808/2023/PKQ.23.1756

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.01: Tại xưởng sản xuất tầng 1. Tọa độ: X=21.255935, Y=106.125133
Ngày quan trắc	28/06/2023
Ngày phân tích	28/06/2023 đến 17/07/2023
Ngày trả kết quả	17/07/2023

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.01	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	26,8	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	69,3	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,8	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,005	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	KPH (MDL=5)	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,043	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,052	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,175	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 06808/2023/PKQ.23.1756

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 17 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

*Phan Thị Canh*







## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06809/2023/PKQ.23.1756

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.02: Tại khu vực văn phòng tầng 2. Toạ độ: X=21.256343, Y=106.125466
Ngày quan trắc	28/06/2023
Ngày phân tích	28/06/2023 đến 17/07/2023
Ngày trả kết quả	17/07/2023

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	25,3	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	68,2	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,9	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,002	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	KPH (MDL=5)	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,046	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,055	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,150	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 06809/2023/PKQ.23.1756

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 17 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phan Thị Thanh*







## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06810/2023/PKQ.23.1756

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT.BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn bột Toạ độ: X=21.256220, Y=106.124974 KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn mùi nước Toạ độ: X=21.256206, Y=106.124975
Ngày quan trắc	28/06/2023
Ngày phân tích	28/06/2023 đến 17/07/2023
Ngày trả kết quả	17/07/2023

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Cmax <sup>(1)</sup>
				KT.01	KT.02	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	400
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	1,9	800
3	NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	680
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	<18,0	<18,0	160
5	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	0,287	0,470	5 <sup>a</sup>
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	18,9	16,5	750 <sup>a</sup>
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	2,74	2,36	870 <sup>a</sup>

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHẮC İẾT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 06810/2023/PKQ.23.1756

### Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

+ (1):  $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$

Trong đó:  $C_{\max}$  là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn ( $\text{mg}/\text{Nm}^3$ );

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;

$K_p$  là hệ số lưu lượng nguồn thải (với  $K_p = 1$  - lưu lượng nguồn thải  $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ );

$K_v$  là hệ số vùng, khu vực (với  $K_v = 0,8$  - địa điểm quan trắc tại huyện Việt Yên thuộc đô thị

loại IV).;

- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;

- (-): Không quy định; - "<" : Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 17 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT, TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phan Thị Oanh*





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chúng tôi công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁCH SẼ TẠO HIỆN GIẢ TR



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10564/2023/PKQ.23.3990

### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Tại xưởng sản xuất tầng 1. Toạ độ: X=21.255935, Y=106.125133 KLV.02: Tại khu vực văn phòng tầng 2. Toạ độ: X=21.256343, Y=106.125466
Ngày quan trắc	30/09/2023
Ngày phân tích	30/09/2023 đến 11/10/2023
Ngày trả kết quả	11/10/2023

### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,2	27,5	16 ÷ 34 <sup>a</sup>
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	70,2	70,4	40 ÷ 80 <sup>a</sup>
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	<0,6	<0,6	0,1 ÷ 1,5 <sup>a</sup>
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,9	51,5	85 <sup>b</sup>
5	Độ rung	m/s <sup>2</sup>	TCVN 6963:2001	0,003	0,002	1,4 <sup>c</sup>
6	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN/K.06	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	40
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137: 2009	0,036	0,041	10
8	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971: 1995	0,046	0,049	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067: 1995	0,150	0,142	8 <sup>d</sup>
10	Benzen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	15
11	Toluen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300
12	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	Method 8260D	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu mẫu chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu gửi;

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Thông báo đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 146/TB-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 10564/2023/PKQ.23.3990

### Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu;
- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (c) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (d) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phan Thị Oanh*



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;  
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.  
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC LẠC TẠO NÊN GIÁ TRỊ

### PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

SỐ: 10565/2023/PKQ.23.3990

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CÔNG TY TNHH CT BG VINA
Địa chỉ	Nhà xưởng số 4, Lô C2, KCN Đình Trám, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn bột Toạ độ: X=21.256220, Y=106.124974 KT.02: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý sơn mùi nước Toạ độ: X=21.256206, Y=106.124975
Ngày quan trắc	30/09/2023
Ngày phân tích	30/09/2023 đến 11/10/2023
Ngày trả kết quả	11/10/2023

#### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, C <sub>max</sub> <sup>(1)</sup>
				KT.01	KT.02	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	400
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	0,9	1,1	800
3	NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	SOP/HT/K.24	KPH	KPH	680
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	<18	<18	160
5	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	0,26	0,29	5 <sup>a</sup>
6	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	19	13	750 <sup>a</sup>
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CEN/TS 13649:2014	0,62	0,86	870 <sup>a</sup>

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá một hạn hạn mức, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHẮC İET TẠO NỀN GIÁ TRỊ

Số: 10565/2023/PKQ.23.3990

### Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

+ (1):  $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$ . Trong đó:

$C_{\max}$  là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn ( $\text{mg}/\text{Nm}^3$ );

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;

$K_p$  là hệ số lưu lượng nguồn thải (với  $K_p = 1$  – Lưu lượng nguồn thải  $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ );

$K_v$  là hệ số vùng, khu vực (với  $K_v = 0,8$  – Địa điểm quan trắc tại huyện Việt Yên thuộc đô thị loại IV);

- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả đo thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp;

- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phan Thị Oanh*